

NGHỊ QUYẾT

Về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 tỉnh Hòa Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Quyết định số 917/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Hòa Bình đến năm 2020;

Căn cứ Chi thị số 13/CT-TTg ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Trên cơ sở Nghị quyết số 121/2015/NQ-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 140/TTr-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019; Báo cáo thẩm tra của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018, với các nội dung chủ yếu sau:

Năm 2018, trong bối cảnh kinh tế cả nước tiếp tục khởi sắc trên nhiều lĩnh vực, môi trường kinh doanh tiếp tục được cải thiện, phát triển doanh nghiệp, thu hút khách quốc tế, đầu tư nước ngoài và xuất khẩu đều đạt kết quả nổi bật; tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Hòa Bình trong năm qua mặc dù còn nhiều khó khăn, thách thức cùng với diễn biến bất thường của thời tiết đã ảnh hưởng không nhỏ tới sản xuất kinh doanh và đời sống của nhân dân. Với sự quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, sự nỗ lực của các ngành, các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, kinh tế - xã hội của tỉnh có chuyển biến tích cực: Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) ước đạt 8,36%; GRDP bình quân đầu người đạt 50,7 triệu đồng; tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn ước đạt 3.400 tỷ đồng; trong năm có thêm 10 xã về đích nông thôn mới, nâng tổng số xã về đích nông thôn mới là 61 xã (*chiếm 31,9% tổng số xã*), trung bình mỗi xã đạt 13 tiêu chí; đời sống nhân dân được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm 3,1% (*còn khoảng 14,9%*); tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 97,2%;

văn hóa - xã hội có bước phát triển; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, quốc phòng được bảo đảm.

Tuy nhiên, hoạt động sản xuất kinh doanh còn nhiều khó khăn; đầu tư của các doanh nghiệp vào nông nghiệp, nông thôn, nhất là sản xuất nông nghiệp công nghệ cao còn ít; việc dồn điền, đổi thửa, tích tụ ruộng đất tạo ra cánh đồng lớn để sản xuất tập trung còn hạn chế; công tác giải phóng mặt bằng dự án đầu tư ở một số địa phương còn nhiều vướng mắc; công tác quản lý đầu tư, xây dựng, đất đai chưa được cải thiện nhiều; môi trường đầu tư tuy được cải thiện nhưng chưa có nhiều chuyển biến. Tình trạng vi phạm pháp luật trong khai thác tài nguyên, khoáng sản còn xảy ra tại nhiều địa phương. Công tác an toàn thực phẩm ở một số địa phương còn hạn chế. Xuất khẩu lao động đạt thấp; công tác tuyên sinh giáo dục nghề nghiệp gặp nhiều khó khăn. Công tác giáo dục, đào tạo còn hạn chế, để xảy ra sai phạm nghiêm trọng trong kỳ thi Trung học phổ thông quốc gia năm 2018. Kết quả cải cách hành chính ở một số cơ quan, đơn vị vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu. Tình hình phạm tội hình sự còn diễn biến phức tạp; một số vụ việc khiếu kiện kéo dài, vẫn chưa được giải quyết dứt điểm.

Tình hình trên có nguyên nhân khách quan là do kinh tế thế giới tiếp tục ẩn chứa nhiều rủi ro, thách thức, tình hình biến đổi khí hậu, nhưng bên cạnh đó nguyên nhân chủ quan là những hạn chế trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý điều hành của các cấp các ngành thiếu quyết liệt, chất lượng công vụ một số ngành, địa phương chưa cao có tác động không nhỏ đến kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2018.

Điều 2. Quyết định Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 với các nội dung như sau:

I. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao chất lượng tăng trưởng, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đi đôi với tiếp tục ổn định kinh tế địa phương, bảo đảm tăng trưởng nhanh, bền vững. Tiếp tục tập trung cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, quan tâm phát triển và hỗ trợ doanh nghiệp. Đẩy mạnh thực hiện các đột phá chiến lược, tái cơ cấu kinh tế và các ngành, lĩnh vực; tập trung phát triển công nghiệp và dịch vụ, du lịch, nâng cao chất lượng phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển khoa học và công nghệ, phát huy đổi mới, sáng tạo và đẩy mạnh khởi nghiệp. Thực hiện tốt các mục tiêu an sinh xã hội, phúc lợi xã hội và cải thiện đời sống nhân dân, thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, chủ động phòng chống thiên tai. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chất lượng công vụ; tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và giải quyết hiệu quả khiếu nại, tố cáo. Mở rộng và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh.

II. Dự kiến các chỉ tiêu chủ yếu

1. Về các chỉ tiêu kinh tế

1.1. Tăng trưởng kinh tế là 9,5%; trong đó: Nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 4,5%; công nghiệp - xây dựng tăng 13,28%; dịch vụ tăng 7,9%.

1.2. Cơ cấu kinh tế: khu vực nông nghiệp chiếm 20,64%; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 50,02%; khu vực dịch vụ chiếm 29,34%.

1.3. GRDP bình quân đầu người 55,01 triệu đồng.

1.4. Tổng đầu tư toàn xã hội 16.435 tỷ đồng.

1.5. Tổng thu ngân sách nhà nước đạt 3.810 tỷ đồng.

1.6. Giá trị xuất khẩu đạt 790 triệu USD; giá trị nhập khẩu đạt 635 triệu USD.

1.7. Số doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký thành lập mới 535 doanh nghiệp, hợp tác xã (*trong đó, có 500 doanh nghiệp và 35 hợp tác xã*).

1.8. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân cả năm tăng dưới 5%.

1.9. Tỷ lệ đô thị hoá đạt 23,01%.

1.10. Có thêm 10 xã về đích nông thôn mới; số tiêu chí nông thôn mới trung bình trên 1 xã tăng 1 tiêu chí (*đến hết năm 2019 trung bình 1 xã đạt 14 tiêu chí*); không còn xã nào đạt dưới 9 tiêu chí.

2. Về các chỉ tiêu xã hội

2.1. Tỷ lệ hộ nghèo giảm 3%.

2.2. Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội 61%.

2.3. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 54,2% (trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 22%).

2.4. Tỷ lệ số trường đạt chuẩn quốc gia 45,3%.

2.5. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng cân nặng giảm xuống dưới 16%.

2.6. Số giường bệnh/1 vạn dân (*không tính giường trạm y tế xã*): 25 giường; Số bác sĩ/1 vạn dân: 8,5 bác sĩ.

2.7. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế 96,41%.

3. Về các chỉ tiêu môi trường

3.1. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh 93%.

3.2. Tỷ lệ các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý trong năm 2019 là 50%.

3.3. Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý 93%.

3.4. Tỷ lệ chất thải rắn y tế xử lý đạt 98%.

3.5. Tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 51%.

III. Một số cân đối chủ yếu

1. Lao động và việc làm

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên dự kiến khoảng 595.972 người, chiếm 69,8% quy mô dân số toàn tỉnh.

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm trong nền kinh tế dự kiến khoảng 562.000 người, chiếm khoảng 94,3% lao động trong độ tuổi.

Cơ cấu lao động trong các ngành: Lao động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 61%; Công nghiệp, xây dựng chiếm 23,1%; Dịch vụ, thương mại chiếm 15,9%;

Giải quyết việc làm mới cho khoảng 16.000 người, trong đó: đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài khoảng 300 người; lao động được giải quyết việc làm trong nước 15.700 người. Tỷ lệ lao động thất nghiệp thành thị ở mức dưới 3%.

2. Cân đối thu, chi ngân sách nhà nước

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn là 3.810 tỷ đồng, tăng 410 tỷ đồng so với ước thực hiện năm 2018. Tổng thu ngân sách địa phương là 10.542 tỷ đồng. Tổng chi ngân sách địa phương là 10.542 tỷ đồng.

3. Cân đối vốn đầu tư phát triển

Năm 2019, dự báo tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 16.435 tỷ đồng, tăng 9,4% so với ước thực hiện năm 2018 và bằng khoảng 35% GRDP.

Nhu cầu vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước khoảng 3.540,7 tỷ đồng, trong đó: nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương 1.392 tỷ đồng; nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu 985,5 tỷ đồng; nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia 757,2 tỷ đồng; nguồn vốn nước ngoài (ODA) 406 tỷ đồng.

4. Cân đối xuất nhập khẩu

Năm 2019, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu dự kiến đạt 1.425 triệu USD, trong đó xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ ước đạt 790 triệu USD, tăng 28% so với năm 2018; nhập khẩu ước đạt 635 triệu USD, tăng 29% so với năm 2018. Tỷ lệ nhập khẩu so với tổng kim ngạch xuất khẩu 80,4%.

IV. Một số nhiệm vụ, định hướng phát triển ngành, lĩnh vực chủ yếu

1. Về phát triển kinh tế

1.1. Triển khai thực hiện kịp thời và có hiệu quả các biện pháp của Chính phủ, các bộ, ngành trung ương về ổn định các cân đối vĩ mô và kiểm soát lạm phát

a) Kịp thời triển khai các chính sách tiền tệ, lãi suất, tăng trưởng tín dụng theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững. Thúc đẩy mở rộng tín dụng, đa dạng các hình thức huy động vốn, phân đầu huy động vốn tăng từ 16% trở lên, dư nợ tín dụng tăng từ 17% trở lên so với năm 2018. Kiểm soát chặt chẽ, xử lý hiệu quả nợ xấu gắn với việc triển khai các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn nợ xấu mới phát sinh và nâng cao chất lượng tín dụng của các tổ chức tín dụng, bảo đảm an toàn hệ thống, bảo đảm tỷ lệ nợ xấu ở mức dưới 3% tổng dư nợ.

b) Thực hiện cơ cấu lại thu, chi ngân sách Nhà nước, siết chặt kỷ luật tài chính trong thu - chi ngân sách Nhà nước, đảm bảo mục tiêu sử dụng ngân sách tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định.

Tập trung huy động các nguồn thu từ thuế, phí; chú trọng các nguồn thu từ đất và khai thác các nguồn thu từ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn, tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật; quản lý chặt chẽ việc bán đấu giá tài sản nhà nước.

Kiểm soát chặt chẽ mục tiêu, hiệu quả sử dụng các khoản chi tiêu ngân sách nhà nước góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội và an ninh quốc phòng.

1.2. Đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế một cách đồng bộ, toàn diện, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với tăng trưởng chất lượng, hiệu quả, nâng cao năng suất

Tập trung nguồn lực phát triển nhanh các ngành, sản phẩm công nghiệp, dịch vụ, du lịch có hàm lượng khoa học - công nghệ cao, giá trị gia tăng cao, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái; ưu tiên đầu tư phát triển vùng kinh tế động lực; thu hút đầu tư có chất lượng, có trọng điểm; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2019 phấn đấu đạt 9,5%; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội.

Tiếp tục thực hiện đầu tư công theo hướng trọng tâm, không dàn trải, đảm bảo hiệu quả theo đúng quy định của Luật Đầu tư công; ưu tiên đầu tư các dự án quan trọng của tỉnh, các dự án đáp ứng nhu cầu bức thiết của nhân dân; hoãn, giãn tiến độ thực hiện một số công trình, dự án chưa thực sự cấp bách phù hợp với nguồn lực đầu tư của tỉnh.

1.3. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện 3 đột phá chiến lược

Chuẩn bị các điều kiện cần thiết triển khai xây dựng Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2030 theo Luật Quy hoạch. Tiếp tục rà soát các quy hoạch ngành, lĩnh vực để điều chỉnh, bổ sung hoặc loại bỏ cho phù hợp với thị trường và quyền kinh doanh của doanh nghiệp. Thực hiện nghiêm quy định về đất đai, xây dựng, môi trường, đăng ký kinh doanh, đầu tư và các thủ tục hành chính tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

Tập trung huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, ưu tiên đầu tư phát triển vùng động lực, phát triển kết cấu hạ tầng giao thông liên vùng, giao thông nông thôn; hạ tầng khu, cụm công nghiệp, đô thị, khu, điểm du lịch quốc gia; từng bước đầu tư kiên cố hóa các đập thủy lợi, hệ thống kênh mương chính đảm bảo nhu cầu nước cho sản xuất nông nghiệp; cấp điện cho các thôn, bản chưa có điện và phát triển hạ tầng và không gian nông thôn. Tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng bằng các hình thức phù hợp, giảm tỷ trọng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước. Chủ động, tích cực phối hợp với các bộ, ngành Trung ương và các chủ đầu tư để thúc đẩy nhanh các công trình hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đổi mới nội dung, phương thức đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp trong tỉnh và nhu cầu xuất khẩu lao động. Tạo chuyển biến nhanh và rõ nét trong phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế của tỉnh; gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp; nâng cao năng lực, trình độ quản lý nhà nước và quản trị doanh nghiệp. Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án

thi tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

1.4. Tiếp tục thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh

Đẩy mạnh triển khai tổ chức thực hiện Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện các giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và các năm tiếp theo, Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 06/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 với mục tiêu là tạo điều kiện thuận lợi nhất cho đầu tư kinh doanh, giảm tối đa các chi phí khởi nghiệp, tạo điều kiện để giảm chi phí đầu vào, khuyến khích đổi mới công nghệ, nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh; phấn đấu cải thiện vị trí xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số cải cách hành chính và chỉ số chất lượng quản trị và dịch vụ hành chính công (PAPI) nhằm tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, để các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế phát triển.

1.5. Thúc đẩy tăng trưởng các ngành, lĩnh vực

a) Tập trung triển khai Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp một cách đồng bộ gắn với xây dựng nông thôn mới

Tiếp tục tập trung tái cơ cấu nông nghiệp gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; rà soát, điều chỉnh cơ cấu sản phẩm, chiến lược phát triển sản xuất phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, khuyến khích phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ. Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sản phẩm có giá trị gia tăng cao, phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu và môi trường sinh thái, phát huy lợi thế so sánh của từng địa phương.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích áp dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học; nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, bảo đảm an toàn thực phẩm, thích ứng với biến đổi khí hậu. Có các giải pháp khuyến khích tập trung ruộng đất, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất hàng hóa quy mô lớn, ứng dụng công nghệ hiện đại, đẩy mạnh cơ giới hóa.

Duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí của các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới. Tập trung huy động các nguồn lực của địa phương, lồng ghép với các nguồn vốn của Trung ương và các nguồn xã hội hóa để nâng cao hiệu quả đầu tư xây dựng nông thôn mới, ưu tiên cho những xã có khả năng hoàn thành tiêu chí nông thôn mới trong năm 2019.

b) Tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu ngành công nghiệp

Tập trung thực hiện các giải pháp đưa công nghiệp trở thành khâu đột phá

đề thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 28/12/2015 của Tỉnh ủy về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025. Phân đầu giá trị sản xuất công nghiệp năm 2019 đạt 37.397 tỷ đồng, tăng 15% so với năm 2018.

Rà soát, điều chỉnh chính sách phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn của tỉnh. Từng bước xây dựng danh mục các sản phẩm công nghiệp, công nghiệp hỗ trợ phù hợp với lợi thế của địa phương nhằm tăng năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của ngành công nghiệp theo hướng giảm tỷ trọng ngành khai thác, tăng tỷ trọng ngành chế biến và chế biến sâu tạo ra sản phẩm tinh, sản phẩm cuối cùng đến tay người tiêu dùng. Thu hút, phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế tạo, công nghiệp phụ trợ, công nghiệp điện tử, may mặc, công nghiệp sản xuất xi măng và vật liệu xây dựng không nung, công nghiệp sản xuất bia, rượu, nước giải khát nhằm tạo thêm nguồn thu cho ngân sách Nhà nước. Khuyến khích phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp nông thôn, công nghiệp chế biến nông sản (rau, củ, quả).

Tập trung giải phóng mặt bằng tạo đất sạch phục vụ thu hút đầu tư, đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật các khu, cụm công nghiệp; khuyến khích hình thành các cụm công nghiệp dệt may, chế biến thực phẩm.

c) Thúc đẩy phát triển nhanh các ngành dịch vụ

Đẩy mạnh các hoạt động liên quan đến xúc tiến thương mại với các hoạt động chủ yếu như: tổ chức hội chợ, triển lãm Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp vùng Tây Bắc và các hội chợ thương mại trên địa bàn huyện... Phân đầu tốc độ tăng trưởng ngành dịch vụ đạt 7,9%.

Nâng cao chất lượng thực hiện Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Triển khai thực hiện Đề án nâng cao năng lực cạnh tranh các mặt hàng xuất khẩu tỉnh Hoà Bình giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030 trong đó tập trung sản xuất các mặt hàng xuất khẩu có lợi thế cạnh tranh, đồng thời phát triển các mặt hàng khác có tiềm năng. Tích cực tìm kiếm, mở rộng thị trường để đẩy mạnh xuất khẩu, nhất là các mặt hàng có giá trị gia tăng cao. Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, khai thác tốt thị trường nội địa. Phân đầu tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ đạt 31.660 tỷ đồng, tăng 19% so với năm 2018; kim ngạch xuất khẩu tăng 28%, kim ngạch nhập khẩu tăng 29% so với năm 2018.

Ưu tiên phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn với mục tiêu đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh, góp phần thúc đẩy phát triển các ngành dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu lao động. Huy động các nguồn vốn đầu tư kết cấu hạ tầng du lịch nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh du lịch của tỉnh. Tăng cường hoạt động quảng bá du lịch tại các thị trường trọng điểm, thị trường tiềm năng để nâng cao hình ảnh du lịch tỉnh Hòa Bình, tạo sự liên kết chặt chẽ với các công ty du lịch, công ty lữ hành để hình thành và duy trì các tour, tuyến, điểm du lịch. Khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực du lịch sinh thái,

khai thác vùng hồ sông Đà gắn với phát triển du lịch đường thủy, du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp và các loại hình du lịch thân thiện với môi trường.

1.6. Tăng cường công tác bảo vệ môi trường, chú trọng hiệu quả phát triển, hướng tới phát triển kinh tế xanh, góp phần thúc đẩy tái cấu trúc nền kinh tế và thực hiện phát triển bền vững

Sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên phục vụ yêu cầu phát triển bền vững. Tiếp tục đưa công tác quản lý đất đai ngày càng đi vào trật tự, kỷ cương, nề nếp; hoàn thiện và phát triển hệ thống quản lý đất đai hiện đại. Thường xuyên kiểm tra tiến độ thực hiện các dự án đã giao đất, cho thuê đất và xử lý kịp thời đối với các dự án chậm triển khai nhằm sử dụng hiệu quả quỹ đất phục vụ cho đầu tư. Tập trung thực hiện các nội dung liên quan đến việc đưa quỹ đất nông, lâm trường bàn giao cho địa phương vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch; triển khai thiết lập hồ sơ quản lý đối với diện tích đất này theo quy định.

Tăng cường kiểm tra, kiểm soát nhằm ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp khai thác, tập kết, vận chuyển khoáng sản trái phép; đảm bảo khai thác hiệu quả, sử dụng tiết kiệm khoáng sản phục vụ yêu cầu phát triển bền vững, ổn định và lâu dài, giảm thiểu các tác động đến môi trường trên cơ sở Quy hoạch khoáng sản rắn của tỉnh đã được phê duyệt.

Thực hiện các biện pháp đồng bộ về cải thiện chất lượng môi trường, xử lý triệt để nguồn gây ô nhiễm. Kiểm soát chặt chẽ việc đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư. Bảo vệ, phát triển và sử dụng hiệu quả, bền vững diện tích rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, thực hiện nghiêm Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc đóng cửa rừng tự nhiên.

Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; thúc đẩy triển khai nhanh dự án chống biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh, thường xuyên theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, thiên tai; có biện pháp xử lý kịp thời với các tình huống thời tiết cực đoan gây ảnh hưởng xấu đến sản xuất và đe dọa tính mạng, tài sản của nhân dân.

2. Về Văn hóa - Xã hội

2.1. Phát triển hệ thống an sinh xã hội

Tăng cường công tác tuyên truyền các chính sách về lao động, việc làm; kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các quy định về tiền lương, BHXH, BHTN, an toàn lao động. Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp cải thiện điều kiện làm việc, phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho người lao động.

Tiếp tục đa dạng hóa các kênh giới thiệu và giải quyết việc làm, kết nối cung cầu lao động thông qua các hoạt động sàn giao dịch việc làm, phiên giao dịch việc làm, ngày hội nghề nghiệp; đẩy mạnh công tác xuất khẩu lao động. Phân đầu trong 2019, giải quyết việc làm mới cho 15.700 lượt lao động trong nước và có 300 lao động đi làm việc ở nước ngoài. Tăng cường gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp; huy động các doanh nghiệp tham gia giáo dục nghề nghiệp; phân đầu đến cuối năm 2019, tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động đạt 54,2% (trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 3 tháng trở lên có văn bằng, chứng chỉ đạt 22%).

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động người dân tham gia bảo hiểm xã hội, đôn đốc, nhắc nhở các doanh nghiệp đóng trên địa bàn trong việc tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động. Phần đầu số người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đến hết năm 2019 là 76.433 người.

Thực hiện đầy đủ và kịp thời các chính sách góp phần hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo vươn lên trong cuộc sống. Phần đầu đến cuối năm 2019, số hộ nghèo còn khoảng 25.750 hộ, chiếm tỷ lệ 11,85% tổng hộ dân toàn tỉnh.

Tổ chức thực hiện kịp thời, đầy đủ chính sách đối với người có công; đẩy mạnh phong trào “Đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn”, “Xã, phường, thị trấn làm tốt công tác thương binh, liệt sỹ, người có công”. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước trong thực hiện chính sách ưu đãi người có công. Phát động phong trào toàn dân chăm sóc thương bệnh binh, gia đình liệt sỹ, hộ gia đình nạn nhân bị nhiễm chất độc da cam, người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục thực hiện các chế độ chính sách đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên cơ sở đảm bảo kịp thời, đầy đủ, đúng quy định.

2.2. Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh, thực hiện tốt quy tắc ứng xử và nâng cao y đức. Thực hiện phân tuyến kỹ thuật theo hướng mở rộng dịch vụ kỹ thuật y tế, đặc biệt là tuyến huyện, xã nhằm tạo điều kiện cho người bệnh tiếp cận với dịch vụ y tế có chất lượng ở nơi gần nhất; duy trì và phát triển hệ thống chuyên tuyến đơn giản hóa thủ tục, tăng cường liên kết giữa các tuyến bảo đảm liên tục.

Chủ động phòng, chống dịch bệnh, không để các dịch bệnh lớn xảy ra, từng bước kiểm soát các bệnh lây nhiễm. Đảm bảo cung ứng đủ về số lượng, an toàn về chất lượng thuốc, vắc xin, sinh phẩm và trang thiết bị y tế với giá cả hợp lý phục vụ nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Thực hiện các giải pháp nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế, đặc biệt mở rộng đối tượng là hộ gia đình. Đồng thời triển khai tốt chính sách BHYT và các chính sách khác về hỗ trợ khám chữa bệnh cho người nghèo, cận nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số vùng khó khăn và các đối tượng dễ bị tổn thương. Có giải pháp ngăn chặn và xử lý tình trạng lạm dụng và trục lợi quỹ bảo hiểm y tế.

2.3. Phát triển giáo dục, đào tạo

Tiếp tục rà soát, quy hoạch mạng lưới trường, lớp học gắn với điều kiện đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Xây dựng mỗi cấp học 01 trường chất lượng cao và nhân rộng toàn ngành vào những năm học tiếp theo.

Thực hiện đổi mới chương trình giáo dục mầm non, phổ thông; đẩy mạnh định hướng nghề nghiệp và phân luồng trong giáo dục phổ thông; chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới; chú trọng phát triển, nâng cao trình độ tiếng Anh trong nhà trường.

Đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, tổ chức phân cấp quản lý mạnh mẽ cho các nhà trường trên nguyên tắc tăng quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm; quan tâm thực hiện xã hội hóa giáo dục.

Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng mới, mở rộng mạng lưới trường lớp theo quy hoạch; tăng cường cơ sở vật chất, nâng cấp trang thiết bị, đồ dùng dạy học, hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở vật chất rèn luyện thể lực và giáo dục kỹ năng sống.

2.4. Phát triển văn hóa

Xây dựng nền văn hóa và con người tinh Hòa Bình phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học, đồng thời mang nét đặc trưng của văn hóa các dân tộc thiểu số.

Tập trung đầu tư những công trình văn hóa trọng điểm mang tính biểu trưng và có vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của nhân dân. Tiếp tục nâng cao hiệu quả cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, hướng cuộc vận động về cơ sở, đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa ở cơ sở.

Tăng cường huy động các nguồn lực để bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị di sản văn hóa của các dân tộc. Chú trọng quản lý các lễ hội, hoạt động văn hóa, gắn kết với hoạt động du lịch; nghiên cứu, tổ chức Tuần lễ văn hóa tinh Hòa Bình gắn với hoạt động xúc tiến đầu tư, du lịch và thương mại. Đẩy mạnh giao lưu văn hóa, thể thao gắn với giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Triển khai phổ biến, ứng dụng Bộ chữ dân tộc Mường trong mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động thể dục thể thao, mở rộng và nâng cao chất lượng phong trào thể thao quần chúng; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng huấn luyện các vận động viên tham gia các giải thể thao thành tích cao nhằm góp phần từng bước nâng cao thể chất của con người.

Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách của Đảng, nhà nước về chính sách tôn giáo dân tộc. Thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình hoạt động tôn giáo trên địa bàn. Thực hiện lồng ghép các chương trình, dự án để đầu tư kết cấu hạ tầng, phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào dân tộc, ưu tiên cho các hộ thuộc diện nghèo.

3. Tổ chức bộ máy, cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 129-KH/TU, ngày 06/02/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19- NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; “tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập” trên địa bàn tỉnh. Tập trung xây dựng Đề án về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; sớm hoàn thành việc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp cơ cấu tổ chức của các cơ quan trong bộ máy hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tinh gọn, hoạt động hiệu

lực, hiệu quả. Nghiên cứu triển khai sắp xếp, tổ chức lại các Quý trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.

Thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, đổi mới cơ chế hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập và cải cách tiền lương; thực hiện rà soát trong việc bố trí biên chế, chế độ đối với đội ngũ giáo viên, từng bước khắc phục tình trạng thừa thiếu cục bộ giáo viên.

Chú trọng công tác rà soát, đơn giản hóa quy trình, thủ tục hành chính; minh bạch, công khai thủ tục hành chính và tình hình giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan hành chính nhà nước. Tiếp tục nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông qua phân mềm điện tử một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các huyện, thành phố.

Quản lý chặt chẽ chi tiêu ngân sách nhà nước, mua sắm và sử dụng tài sản công,... Thực hiện công khai minh bạch trong quản lý ngân sách, đất đai, tài nguyên, tài sản nhà nước, đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước, đấu thầu. Thực hiện kê khai, kiểm soát kê khai tài sản, thu nhập. Thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng tại một số cơ quan, đơn vị.

4. Giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh vững chắc, tăng cường công tác đối ngoại

Tiếp tục xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc gắn chặt với thế trận an ninh nhân dân, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, nhận rõ âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch; các phần tử cực đoan chống phá, kích động biểu tình gây mất ổn định chính trị, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội. Thường xuyên tổ chức luyện tập theo phương án, duy trì trạng thái sẵn sàng chiến đấu ở các cấp. Bảo vệ an toàn các ngày lễ, tết, các sự kiện chính trị trọng đại trên địa bàn tỉnh, thường xuyên tổ chức luyện tập theo phương án, duy trì trạng thái sẵn sàng chiến đấu ở các cấp. Bên cạnh đó, chuẩn bị tốt lực lượng, phương tiện sẵn sàng tham gia phòng, chống khắc phục hậu quả thiên tai, cứu hộ, cứu nạn.

Bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh an toàn thông tin mạng. Tăng cường công tác phòng, chống khủng bố. Chủ động xây dựng các phương án, kế hoạch bảo vệ các mục tiêu, các sự kiện quan trọng, hoạt động của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các đoàn khách quốc tế đến thăm, làm việc tại tỉnh. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phòng ngừa vi phạm pháp luật, kiểm chế gia tăng và làm giảm các loại tội phạm, nâng cao tỷ lệ điều tra khám phá các loại án, tạo chuyển biến rõ rệt về trật tự xã hội.

Tăng cường tiếp xúc và làm việc với các tổ chức quốc tế, đẩy mạnh công tác đối ngoại nhân dân; kêu gọi, vận động và quản lý chặt chẽ các tổ chức phi chính phủ nước ngoài viện trợ vào tỉnh. Tăng cường ngoại giao kinh tế với nhiều hoạt động quảng bá hàng hóa, xúc tiến thương mại, đầu tư và du lịch; tranh thủ

tối đa hợp tác quốc tế và các nguồn lực bên ngoài để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

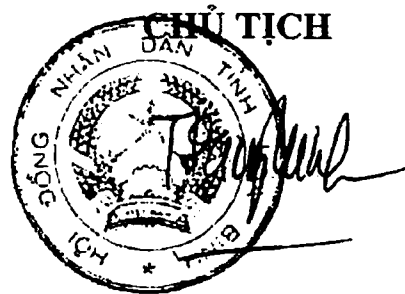
1. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình khóa XVI, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./v

Nơi nhận:

- UBTW Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- VP Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh (CT, các PCT);
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- LĐ Văn phòng HĐND tỉnh;
- TT tin học và Công báo VP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND (06).



Trần Đăng Ninh